

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2497** /UBND-TH

Bình Định, ngày **28** tháng 6 năm 2013

V/v nộp chậm tiền sử dụng đất
đối với các hộ giao đất tái định
cư tại Khu dân cư đảo 1B Bắc sông
Hà Thanh

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất;
- UBND thành phố Quy Nhơn.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1356/TTr-STNMT ngày 25/6/2013 về việc đề xuất ghi nợ tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình được giao đất tái định cư tại Khu dân cư đảo 1B Bắc sông Hà Thanh để xây dựng dự án Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (mặt bằng khu B3), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương cho 06 hộ dân thuộc diện giao đất tái định cư tại Khu dân cư đảo 1B Bắc sông Hà Thanh để xây dựng dự án Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (mặt bằng khu B3) được ghi nợ và nộp chậm tiền sử dụng đất trong thời gian tối đa là 05 năm (với tổng số tiền sử dụng đất phải nộp là 1.019.901.500 đồng; có phụ lục chi tiết kèm theo) nếu hộ thật sự có khó khăn, có đơn xin ghi nợ tiền sử dụng đất được UBND phường xác nhận; sau thời hạn quy định nêu trên, nếu hộ còn nợ tiền sử dụng đất thì phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất ở tại thời điểm trả nợ theo quy định hiện hành (áp dụng cho tất cả các trường hợp nộp tiền sử dụng đất theo giá đất ở hiện hành và theo giá đất ở thị trường tại thời điểm trả nợ tiền sử dụng đất).

2. Giao Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện./.. *an*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCTUBND tỉnh HQD;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K7(A.09b) *an*

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC

Bảng chi tiết về ghi nợ tiền sử dụng đất ở của hộ gia đình được giao đất tái định cư thuộc dự án Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn (thuộc mặt bằng khu B3).

(Kèm theo Công văn số **2497**/UBND-TH ngày **28** tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Tổng giá trị BT, HT về đất (đồng)	Trong đó giá trị BT đất ở (đồng)	Lô đất TĐC được giao tại Khu QHDC Đảo 1B			Tiền sử dụng đất phải nộp cho lô đất TĐC được giao											Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (chưa tính các khoản lệ phí) (đồng)
					Ký hiệu lô	Đường số; lộ giới	Diện tích (m ²)	Tiền sử dụng đất phải nộp theo đơn giá bồi thường (250.000đ/m ²)			Tiền sử dụng đất phải nộp theo đơn giá đất tái định cư				Tiền sử dụng đất phải nộp theo đơn giá đất ở thị trường tại khu TĐC				
								Diện tích (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)		
a	b	c	1	2	3	4	5	6	7	8=6*7	9	10	11	12=9*10*11	13	14	15=13*14	16=8+12+15	
I	Hộ được giao đất TĐC theo Tiết a, Khoản 1, Điều 30, Quyết định 03/2009/QĐ-UBND																		87.101.500
1	Ung Thị Thu Chồng: Trương Minh Sơn	Tổ 49, KV9, P.Đông Đa	6.098.750	#####	Lô 8 -Đ7	15; 20m	80	48.79	250.000	12.197.500	31.21	2.400.000	1	74.904.000				87.101.500	
II	Hộ được giao đất TĐC theo Tiết b, Khoản 1, Điều 30 Quyết định 03/2009/QĐ-UBND																		136.000.000
1	Nguyễn Thanh Tú Vợ: Phạm Thị Nhị Nga	Tổ 49, KV9, P.Đông Đa	0	0	Lô 28 -Đ6	4; 14m	80	0			80	1.700.000	1	#####				136.000.000	
III	Các hộ được giao đất TĐC theo Khoản 2, Điều 30 Quyết định 03/2009/QĐ-UBND																		380.800.000
1	Ung Thị Mỹ Hồng Chồng: Đỗ Trọng Tài	Tổ 49, KV9, P.Đông Đa	0	0	Lô 29 -Đ6	4; 14m	80	0			80	1.700.000	0.8	#####				108.800.000	
2	Ung Thị Mỹ Hoa chồng: Trần Bá Nhất	Tổ 49, KV9, P.Đông Đa	0	0	Lô 31 -Đ6	4; 14m	80	0			80	1.700.000	1	#####				136.000.000	
3	Cao Đình Lương vợ: Ung Thị Quốc	Tổ 49, KV9, P.Đông Đa	0	0	Lô 30 -Đ6	4; 14m	80	0			80	1.700.000	1	#####				136.000.000	
IV	Hộ được xét giao đất theo Quyết định số 279/QĐ-CTUBND ngày 17/02/1012 của UBND tỉnh phê duyệt																		416.000.000
1	Trần Thị Cúc	09/1 Đoàn Thị Diễm, TPQN	311.307.560	0	Lô 18 -Đ6	11; 12m	64	0			0				64	6.500.000	416.000.000	416.000.000	
V	Tổng cộng																	1.019.901.500	

Am